TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 01/3/2018
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Đến

2. Bà Nguyễn Thị Bích Vân

Thư ký phiên tòa:Trần Bảo Trân - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh : Không tham gia phiên tòa

Ngày 01 tháng 03 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 390/2017/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2017 về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐST - HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2018;Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2018/QĐ-ST ngày 30 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Sơn Thị D sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: ấp U, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*: Lê Văn G, sinh năm: 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh .

Cháu: Lê Văn K sinh năm 2007 (con ruột của chị D và anh G).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện và lời khai tại phiên tòa của chị Sơn Thị D như sau:** Chị D và anh G chung sống vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L. Quá trình chung sống có 01 con chung tên Lê Văn K sinh năm 2007. Nguyên nhân phát

sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cự cãi nên đã ly thân từ tháng 9/2007.

Về tài sản chung, nợ chug: không có.

Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn thương nữa nên yêu cầu Tòa giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Chị D yêu cầu được ly hôn với anh G.

Về con chung: yêu cầu được tiếp tục nuôi con không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về phía anh Lê Văn G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Cháu Lê Văn K có tự khai: Ba và mẹ ly hôn cháu không có ý kiến, cháu có nguyện vọng sống với mẹ. Do bận đi học nên cháu không tham gia yêu cầu tòa giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, anh G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để hòa giải và xét xử nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự đủ căn cứ xét xử vắng mặt anh G.

[2] Về hôn nhân: Chị D và anh G chung sống với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L nên hôn nhân của anh, chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp, anh G đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, triệu tập hòa giải xét xử nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do cũng không có gửi văn bản trả lời cho Tòa án biết ý kiến của anh. Tại phiên tòa hôm nay chị D vẫn giữ quan điểm xin ly hôn. Xét thấy: Quá trình chung sống chị D và anh G thường xảy ra cự cãi làm cho cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên đã ly thân từ tháng 9/2007, trong thời gian ly thân cũng không ai tới lui chăm sóc cho nhau cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được chung sống cũng không hạnh phúc nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D cho chị được ly hôn với anh G là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi con, cháu K cũng có nguyện vọng sống với mẹ, từ khi ly thân chị D là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu K cũng đảm bảo cuộc sống và sự phát triển bình thường của cháu K nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi con của chị D

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: buộc các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28; 35; 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Sơn Thị D cho anh được ly hôn với anh Lê Văn G.

- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị D được tiếp tục nuôi con Lê Văn K

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Buộc chị D phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0013534 ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành ; chị D không phải nộp nữa.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận::
-TAND tỉnh Trà Vinh;
-VKS huyện Châu Thành
-CC Thi hành án dân sự huyện Châu Thành;
-Đương sự
-Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thu Hằng